

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của chính quyền cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-ĐGS ngày 13/8/2026 của Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát tình hình hoạt động của chính quyền cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình hoạt động của chính quyền cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Việc ban hành văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền cơ sở sau sắp xếp đơn vị hành chính (số lượng, loại văn bản, nội dung chính các văn bản đã ban hành,...)

Thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của các ban, bộ, ngành Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện.

Đến nay, toàn tỉnh đã ban hành khoảng 318 văn bản có liên quan, gồm: Cấp ủy cấp tỉnh 13 văn bản; Hội đồng nhân dân tỉnh 196 nghị quyết; Ủy ban nhân dân tỉnh 109 văn bản. Nội dung các văn bản tập trung cụ thể hóa chủ trương, quy định của Trung ương; chỉ đạo triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị; phân định, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; bố trí, phân công, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu tác động do sắp xếp; bảo đảm cơ sở vật chất, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các điều kiện cần thiết để chính quyền cơ sở hoạt động ổn định, thông suốt.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn và đánh giá tình hình thực hiện; kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, nhất là trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Cùng với việc ban hành các văn bản chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã đã tập trung hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn, cơ cấu tổ chức và quy chế làm việc của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và chính quyền cấp xã theo mô hình mới, bảo đảm phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp, bố trí, phân công cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định, từng bước bảo đảm ổn định tổ chức, phân công rõ trách nhiệm, duy trì hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đến nay, tổ chức bộ máy chính quyền cấp tỉnh và cấp xã cơ bản được kiện toàn, hoạt động ổn định, thông suốt; các nhiệm vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp được duy trì, không để xảy ra gián đoạn trong thực hiện nhiệm vụ do việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Việc quán triệt, nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị, định hướng dư luận xã hội và công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan đến việc sắp xếp và vận hành tổ chức bộ máy chính quyền cơ sở

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức quán triệt, triển khai các nghị quyết, kết luận, quy định của Trung ương và các văn bản chỉ đạo liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến cấp xã; qua đó góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Công thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị cơ bản hoạt động ổn định, bảo đảm cung cấp thông tin chính thống về chủ trương, chính sách và hoạt động của địa phương. Một số đơn vị tích cực cập nhật thông tin, tin, bài phục vụ nhu cầu tra cứu của người dân và doanh nghiệp. Trên môi trường mạng xã hội, tỉnh thường xuyên theo dõi các nền tảng phổ biến và các trang, nhóm có lượng tương tác cao để kịp thời nắm bắt tình hình, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và định hướng thông tin.

Bên cạnh kết quả đạt được, một số công thông tin điện tử cập nhật thông tin còn chậm, nội dung chưa phong phú, chưa phản ánh kịp thời một số vấn đề được người dân và xã hội quan tâm.

Nhìn chung, công tác quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy và chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai nghiêm túc. Qua đó, góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị, tạo đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

3. Công tác kiểm tra, đôn đốc, kết quả thực hiện chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh; tiến độ thực hiện. Tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ

Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai, quán triệt đầy đủ, kịp thời các văn bản của Trung ương và của Tỉnh ủy liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định về sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

Qua công tác kiểm tra, đôn đốc, các cơ quan, đơn vị, địa phương từng bước nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính; đồng thời kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế và hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản có tinh thần trách nhiệm, chủ động thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động có nhiều thay đổi; các nhiệm vụ được triển khai, thực hiện theo quy định, góp phần bảo đảm hoạt động của chính quyền các cấp được liên tục, thông suốt.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự

a) Sắp xếp cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã và Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp; việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ công.

Sau khi hợp nhất tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền đã tổ chức thực hiện việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo định hướng của Trung ương và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; đồng thời ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị.

- Cấp tỉnh:

+ Đối với tổ chức hành chính: Đã thành lập 13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở hợp nhất 13 cơ quan chuyên môn của hai tỉnh; thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu; tổ chức lại Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Ban An toàn giao thông của hai tỉnh. Đến ngày 01/7/2026, có 14 cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm 13 cơ quan chuyên môn và 01 tổ chức hành chính khác (Ban Quản lý Khu kinh tế)¹.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Sắp xếp 19 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh còn 15 đơn vị; thành lập, tổ chức lại 146 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành tỉnh còn 131 đơn vị. Kết quả giảm 04 đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và 15 đơn vị thuộc sở, ngành tỉnh so với thời điểm mới sáp nhập. Đến ngày 01/7/2026 có 11 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 128 đơn vị thuộc sở, ngành, 03 đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập, 03 đơn vị thuộc chi cục.

Đến nay, sau khi sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh hiện có 11 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 118 đơn vị thuộc sở, ngành, 03 đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập, 03 đơn vị thuộc chi cục.

¹ Thực hiện Quyết định số 17/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ chấm dứt hoạt động, giải thể Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông các địa phương. Hiện nay đã giải thể Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 về việc giải thể Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh Cà Mau.

- Cấp xã:

+ Đối với tổ chức hành chính: Thành lập các cơ quan chuyên môn (192 phòng chuyên môn/64 xã, phường) và Trung tâm Phục vụ hành chính công (64 Trung tâm/64 xã, phường). Đến ngày 01/7/2026 có 194 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (xã Năm Căn, Cái Nước có 04 phòng chuyên môn) và 64 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ cơ bản thiết yếu, Ban Quản lý dự án; tiếp nhận, thành lập Trạm y tế và các cơ sở giáo dục bảo đảm đúng định hướng của Trung ương, góp phần bảo đảm chính quyền cấp xã hoạt động ổn định. Đến ngày 01/7/2026 có 868 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (676 trường học, 64 Trung tâm Công ích, 64 Trạm Y tế và 64 Ban Quản lý dự án).

Đến nay, sau khi sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã, phường hiện có 500 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (308 trường học, 64 Trung tâm Công ích, 64 Trạm Y tế và 64 Ban Quản lý dự án).

b) Công tác sắp xếp, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp đơn vị hành chính. Trong đó, báo cáo rõ số biên chế được giao; số hiện có; số còn thiếu; số dôi dư (nếu có); việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và bố trí theo Đề án vị trí việc làm (Chú trọng đánh giá sự phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức; việc bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

- Về việc giao biên chế:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 về việc triển khai Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 17/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2026, cụ thể:

+ Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước là 4.593 biên chế, gồm: Cấp tỉnh 1.761 biên chế, cấp xã 2.832 biên chế. Biên chế hiện có đến ngày 15/6/2026 là 3.973 biên chế, gồm: Cấp tỉnh 1.391 biên chế, cấp xã 2.582 biên chế.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (biên chế viên chức) là 29.036 biên chế, gồm: Cấp tỉnh 6.436 biên chế, cấp xã 22.600 biên chế. Biên chế hiện có đến ngày 15/6/2026 là 28.936 biên chế, gồm: Cấp tỉnh 6.443 biên chế, cấp xã 22.493 biên chế.

Theo số liệu nêu trên, biên chế cán bộ, công chức còn thiếu 620 biên chế so với số được giao; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước còn thiếu 100 người, trong đó cấp tỉnh hiện có cao hơn số được giao 07 người, cấp xã còn thiếu 107 người. Hiện nay, các xã, phường đang thực hiện các thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị khối chính quyền; đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát tổng thể biên chế giao, biên chế có mặt để xác định số lượng biên chế thừa, thiếu để có kế hoạch thực hiện sắp xếp, điều chỉnh.

- Công tác sắp xếp, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp đơn vị hành chính

(1) Kết quả thực hiện

Thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, định hướng các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau hợp nhất, sáp nhập²; trong đó tập trung rà soát vị trí việc làm, số lượng cấp phó, nhu cầu nhân lực và việc thực hiện biên chế được giao.

Qua đó, các cơ quan, đơn vị đã khẩn trương trong rà soát sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhằm đảm bảo bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm, số lượng cấp phó theo quy định và tình trạng thừa, vừa thiếu cục bộ trong thực hiện nhiệm vụ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, tham mưu sắp xếp, điều chuyển công chức, viên chức từ nơi thừa sang nơi thiếu, sắp xếp nhân sự bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Theo yêu cầu nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, từ ngày 01/7/2025 đến nay đã điều động, biệt phái 198 cán bộ, công chức, viên chức đến công tác tại các xã, phường (không bao gồm sự nghiệp y tế, giáo dục); tiếp nhận vào làm công chức 221 người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại 55 xã, phường.

Đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Sau hợp nhất, sáp nhập, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và thực hiện bố trí theo tổ chức bộ máy mới, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thẩm quyền và yêu cầu của từng vị trí việc làm. Việc bố trí cơ bản bảo đảm tính kế thừa, ổn định, phù hợp với năng lực, kinh nghiệm công tác của cán bộ và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị sau sắp xếp.

Tính đến thời điểm báo cáo, cấp tỉnh (không bao gồm sự nghiệp y tế, giáo dục) có 822 cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó 484 công chức và 338 viên chức. Qua rà soát, phần lớn cán bộ lãnh đạo, quản lý có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác và năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Về phương pháp lãnh đạo, quản lý từng bước được đổi mới theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ kết quả. Một số cán bộ đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới phương pháp điều hành, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

Tuy nhiên, còn 21 trường hợp chưa phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm³, chủ yếu do trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo chưa đảm bảo theo yêu cầu của

² Như: Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 23/5/2026 thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; Công văn số 9702/UBND-NC ngày 20/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giải pháp bổ sung nguồn nhân lực cho cấp cơ sở; Công văn số 635/UBND-NC ngày 24/7/2026 về việc khẩn trương rà soát, sắp xếp số lượng cấp phó theo quy định; Công văn số 13877/UBND-NC ngày 17/8/2026 về việc triển khai Quyết định số 903-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (về giao biên chế khối chính quyền năm 2026); Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 17/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2026.

³ Sở Nông nghiệp và Môi trường: 11 trường hợp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 04 trường hợp; Thanh tra tỉnh: 03 trường hợp; Sở Nội vụ: 02 trường hợp; Sở Dân tộc và Tôn giáo: 01 trường hợp.

vị trí đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Các trường hợp này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp tục rà soát, xem xét phương án bố trí, đào tạo, bồi dưỡng hoặc điều chỉnh vị trí công tác phù hợp, bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ sau hợp nhất, sáp nhập.

Đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Tính đến thời điểm báo cáo, cấp tỉnh (không bao gồm sự nghiệp y tế, giáo dục) có tổng số 2.036 công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, trong đó: 851 công chức và 1.185 viên chức. Nhìn chung, đội ngũ công chức, viên chức cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước và các yêu cầu khác theo yêu cầu vị trí việc làm; phần lớn có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cơ bản đáp ứng ngay yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, qua rà soát vẫn còn 82 trường hợp chưa phù hợp hoàn toàn với vị trí việc làm⁴, chủ yếu do chuyên môn được đào tạo chưa phù hợp; bên cạnh đó, tỷ lệ ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp chưa đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị.

(2) Ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân

Ưu điểm: Công tác sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau hợp nhất, sáp nhập được các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Việc bố trí đội ngũ cơ bản bảo đảm yêu cầu hoạt động của tổ chức bộ máy mới; không để xảy ra khoảng trống trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Công tác bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện cơ bản đúng quy định, gần với tiêu chuẩn chức danh, quy hoạch, vị trí việc làm, năng lực và yêu cầu nhiệm vụ. Đối với công chức, viên chức, việc bố trí theo vị trí việc làm từng bước được thực hiện thực chất hơn.

Hạn chế: Cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức giữa các cơ quan, đơn vị và giữa các lĩnh vực chưa thật sự cân đối; còn một số trường hợp bố trí chưa thật sự phù hợp với chuyên môn đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm, tuy nhiên số lượng là không nhiều, đồng thời một số trường hợp đã chủ động học tập để chuẩn hóa trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm.

Nguyên nhân: Hệ thống quy định về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và định mức biên chế ở một số lĩnh vực đang tiếp tục được rà soát, hoàn thiện; do đó, việc xác định đầy đủ nhu cầu, cơ cấu và bố trí đội ngũ tại một số cơ quan, đơn vị cần có thêm thời gian để bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế. Nhu cầu sử dụng cán bộ, công chức, viên chức giữa các cơ quan, đơn vị, địa bàn và lĩnh vực có sự khác nhau; việc điều chỉnh, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ phải đồng thời bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và kinh nghiệm công tác. Vì vậy, việc khắc phục ngay tình trạng chưa cân đối về số lượng, cơ cấu và chuyên môn giữa các cơ quan, đơn vị còn gặp một số khó khăn nhất định. Bên cạnh đó, một số vị trí việc làm có yêu cầu chuyên môn đặc thù, chuyên sâu, trong khi nguồn nhân lực đáp ứng tại một số nơi còn thiếu; việc đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, thu hút nhân lực phù hợp cần có thời gian.

⁴ Sở Nông nghiệp và Môi trường: 34 trường hợp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 10 trường hợp; Sở Nội vụ: 14 trường hợp; Sở Dân tộc và Tôn giáo: 01 trường hợp; Sở Công Thương: 13 trường hợp; Sở Giáo dục và Đào tạo: 01 trường hợp; Thanh tra tỉnh: 08 trường hợp; Sở Xây dựng: 01 trường hợp.

Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động, quyết liệt trong việc rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt. Một số trường hợp chưa chủ động trong học tập, đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm hoặc đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

(3) Phương án khắc phục những hạn chế, khó khăn trong công tác sắp xếp đội ngũ công chức, viên chức

Tiếp tục rà soát, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức: Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau hợp nhất, sáp nhập, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát từng trường hợp cụ thể, đối chiếu với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu nhiệm vụ và năng lực thực tế để phân loại và xây dựng phương án xử lý; việc rà soát phải bảo đảm nguyên tắc đúng người, đúng việc, đúng vị trí, đúng chuyên môn, phát huy năng lực, sở trường và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, từ đó xác định trường hợp tiếp tục bố trí ổn định, trường hợp cần đào tạo, bồi dưỡng, điều chỉnh, điều động, luân chuyển, biệt phái và trường hợp thuộc diện dư cần thực hiện chính sách theo quy định; đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tiếp tục rà soát về tiêu chuẩn, điều kiện, năng lực thực tiễn, kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ phù hợp với vị trí được giao; trường hợp cần thiết thì thực hiện điều động, luân chuyển hoặc đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm yêu cầu lãnh đạo, quản lý trong tình hình mới.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo yêu cầu của vị trí việc làm. Việc đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với yêu cầu thực tế của từng vị trí, từng cá nhân, khắc phục tình trạng đào tạo dàn trải, hình thức, bảo đảm sau đào tạo cán bộ, công chức, viên chức có khả năng đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thực hiện công tác tuyển dụng: Sau khi thực hiện sắp xếp, điều chuyển, rà soát để tham mưu cấp thẩm quyền thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức, bảo đảm tình hình biên chế và yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Việc bố trí, sử dụng và giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách được thực hiện cơ bản bảo đảm đúng quy định, công khai, dân chủ, khách quan và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Quá trình sắp xếp gắn với việc rà soát, lựa chọn, bố trí những người có phẩm chất, năng lực, uy tín và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để tiếp tục tham gia công tác, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và ổn định tổ chức bộ máy ở cơ sở.

Công tác giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tiếp tục bố trí, sử dụng được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, góp phần ổn định tư tưởng đội ngũ và tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số trường hợp người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc do sắp xếp có thời gian công tác dài, nhiều năm tham gia công tác ở cơ sở nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định mới nên chưa thuộc đối tượng áp dụng chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, cần được nghiên cứu, xem xét để bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

Nhìn chung, việc bố trí, sử dụng đội ngũ sau sắp xếp đã góp phần tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, bảo đảm bộ máy vận hành ổn định, thông suốt và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

c) Việc triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa tỉnh và cấp xã; những khó khăn, vướng mắc (Tổng số nhiệm vụ phải thực hiện, nhiệm vụ mới được giao; nhiệm vụ còn chồng chéo; nhiệm vụ chưa đủ điều kiện thực hiện; kiến nghị điều chỉnh, bổ sung (nếu có))

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã rà soát, triển khai các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã theo quy định của Trung ương và của tỉnh. Từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm báo cáo, tổng số nhiệm vụ của chính quyền địa phương là 2.981 nhiệm vụ, trong đó cấp tỉnh thực hiện 2.043 nhiệm vụ, cấp xã thực hiện 938 nhiệm vụ. So với thời điểm ngày 30/6/2025, số nhiệm vụ của cấp tỉnh tăng 188 nhiệm vụ (từ 1.855 lên 2.043 nhiệm vụ), cấp xã tăng 808 nhiệm vụ (từ 130 lên 938 nhiệm vụ).

Trong tổng số nhiệm vụ tăng thêm, cấp tỉnh tiếp nhận 894 nhiệm vụ từ các Bộ, ngành Trung ương; cấp xã tiếp nhận 129 nhiệm vụ, gồm 79 nhiệm vụ từ các Bộ, ngành Trung ương và 50 nhiệm vụ do cấp tỉnh phân cấp. Việc phân định nhiệm vụ, thẩm quyền cơ bản được thực hiện theo quy định, bảo đảm cơ sở pháp lý để các cấp chủ động tổ chức thực hiện.

Tỉnh đã triển khai hệ thống quản lý nhiệm vụ, công việc trên môi trường điện tử; tỷ lệ sử dụng hệ thống đạt 100%, góp phần theo dõi, đôn đốc tiến độ và xác định trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Qua rà soát, chưa phát sinh nhiệm vụ, thủ tục hành chính không có tính khả thi đến mức phải đề nghị tạm dừng hoặc bãi bỏ. Tuy nhiên, một số quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền còn cần tiếp tục được hướng dẫn, làm rõ để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện, nhất là đối với những nhiệm vụ có tính liên ngành hoặc có sự giao thoa về thẩm quyền giữa các cấp, các ngành.

Nhìn chung, việc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đã góp phần tăng tính chủ động của chính quyền các cấp, nhất là cấp xã, trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; đồng thời tạo cơ sở để tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện đúng thẩm quyền, không chồng chéo, bỏ sót.

d) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn mới được giao cho chính quyền cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính; đánh giá khả năng đáp ứng của đội ngũ cán bộ, công chức, điều kiện bảo đảm thực hiện; những nhiệm vụ còn lúng túng hoặc chưa thực hiện được và nguyên nhân

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cấp xã đã tiếp nhận và tổ chức thực hiện nhiều nhiệm vụ trước đây thuộc thẩm quyền của cấp huyện và một số nhiệm vụ được phân cấp từ cấp tỉnh. Nhìn chung, các xã, phường đã chủ động sắp xếp tổ chức, bố trí nhân lực và điều kiện làm việc để tiếp nhận, giải quyết công việc, bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp được duy trì liên tục.

Qua thực tiễn vận hành, việc thực hiện các nhiệm vụ mới được giao tại cấp xã cơ bản đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, khối lượng và phạm vi công việc của cấp xã tăng đáng kể, trong khi một số địa phương còn thiếu cán bộ, công chức có chuyên

môn sâu ở một số lĩnh vực. Một số nhiệm vụ đòi hỏi kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tiễn cao nên trong thời gian đầu tổ chức thực hiện còn có nơi lúng túng, nhất là đối với các lĩnh vực có tính chuyên môn sâu và liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp.

Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin tại một số xã, phường chưa đồng bộ; khả năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các địa phương còn khác nhau. Việc phối hợp xử lý một số nhiệm vụ liên ngành, liên cấp có lúc chưa thật sự kịp thời, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ giải quyết công việc.

Để nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ mới được giao, tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát, bố trí, điều chỉnh nhân lực theo vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành cho cán bộ, công chức cấp xã; đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn, kịp thời giải đáp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Tỉnh cũng tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp trụ sở, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và các điều kiện bảo đảm hoạt động của chính quyền cấp xã; đồng thời rà soát những nội dung còn bất cập để kịp thời điều chỉnh, bảo đảm cấp xã có đủ điều kiện thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

2. Về thủ tục hành chính (TTHC)

a) Việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, việc kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, VNeID, thanh toán trực tuyến; tình hình tiếp nhận và giải quyết TTHC

- Việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, việc kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, VNeID, thanh toán trực tuyến: Sau khi hợp nhất tỉnh, Cà Mau đã thống nhất lựa chọn, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau để tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Hệ thống đã kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác, khai thác được 23⁵ dịch vụ dữ liệu có chia sẻ qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

Thực hiện Công văn số 1282/BCA-C12 ngày 28/3/2026 của Bộ Công an về chuyển đổi Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỉnh Cà Mau đã hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đến nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã tiếp quản và được phân quyền trên Cổng Dịch vụ công quốc gia do Bộ Công an quản lý theo quy định; đồng thời, trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh đã triển khai thực hiện giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các Bộ, ngành Trung ương⁶.

⁵ Đã kết nối: (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; (2) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; (4) Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; (5) Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; (6) Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; (7) Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; (8) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; (9) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; (10) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; (11) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam; (12) Cổng liên thông Tài nguyên và Môi trường - Thuế; (13) Hệ thống quản lý giao thông vận tải; (14) Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua do Bộ Xây dựng triển khai và vận hành; (15) Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu trợ giúp xã hội; (16) Hệ thống danh mục điện tử dùng chung của Bộ Tài chính; (17) Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (18) Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; (19) Hệ thống mã bưu chính Vpostcode; (20) Hệ thống định danh và xác thực điện tử; (21) Hệ thống thông tin nguồn Trung ương; (22) Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe; (23) Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện.

⁶ Bộ Công an; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Bộ Tư pháp; Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; Bộ Nội vụ; Bộ Công

- Về công bố, công khai và tổ chức thực hiện TTHC

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 449 Quyết định công bố 5.420 TTHC, trong đó có 945 TTHC mới ban hành, 3.528 TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và 947 TTHC bị bãi bỏ; tất cả TTHC được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định. Hiện nay, tổng số TTHC đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau là 2.114 TTHC, trong đó cấp tỉnh 1.693 TTHC, cấp xã 421 TTHC.

Tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được triển khai thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC được xây dựng, phê duyệt đầy đủ theo quy định. Tỉnh đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 1.489/1.489 TTHC đủ điều kiện, đạt 100%, và cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần đối với 625 TTHC; các TTHC này đã được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, đã cung cấp 887/887 TTHC có yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính, thuế, phí, lệ phí, đạt 100%; có 517 TTHC được tích hợp thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên toàn tỉnh đạt 94%.

b) Tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến, trực tiếp - nêu số lượng và chiếm bao nhiêu %); số lượng hồ sơ yêu cầu bổ sung sau khi tiếp nhận; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước, đúng hạn và trễ hạn (nêu số lượng và chiếm bao nhiêu %; lĩnh vực có tỷ lệ hồ sơ trễ hạn cao và nguyên nhân); tỷ lệ thanh toán trực tuyến; số hồ sơ đang xử lý; đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp (phản ánh của người dân (nếu có), kết quả xử lý phản ánh)

- Tổng số hồ sơ được tiếp nhận trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả ngành dọc, là 2.807.568 hồ sơ, trong đó cấp tỉnh 2.211.986 hồ sơ và cấp xã 595.582 hồ sơ. Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến là 2.550.478/2.807.568 hồ sơ, chiếm 90,84%; trong đó, cấp tỉnh 1.967.959/2.211.986 hồ sơ, chiếm 88,97% và cấp xã 582.519/595.582 hồ sơ, chiếm 97,81%. Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp là 257.090/2.807.568 hồ sơ, chiếm 9,16%; trong đó, cấp tỉnh 244.027/2.211.986 hồ sơ, chiếm 11,03% và cấp xã 13.063/595.582 hồ sơ, chiếm 2,19%.

+ Số hồ sơ đã giải quyết trước và đúng hạn là 2.787.028/2.791.421 hồ sơ, chiếm 99,84%; trong đó, cấp tỉnh 2.211.986/2.213.151 hồ sơ, chiếm 99,94% và cấp xã 575.042/578.270 hồ sơ, chiếm 99,44%. Số hồ sơ trễ hạn là 4.393 hồ sơ, chiếm 0,16%; trong đó, cấp tỉnh 1.165 hồ sơ, chiếm 0,06% và cấp xã 3.228 hồ sơ, chiếm 0,56%.

+ Số hồ sơ đang xử lý 16.147 hồ sơ.

+ Số hồ sơ yêu cầu bổ sung sau khi tiếp nhận là 56 hồ sơ, chủ yếu thuộc lĩnh vực đất đai. Nguyên nhân chủ yếu do yêu cầu bổ sung hồ sơ để chứng minh mối quan hệ nhằm thực hiện miễn thuế và các quy định về nghĩa vụ tài chính; bổ sung trích đo do thửa đất có sự thay đổi về kích thước so với thời điểm cấp giấy.

- Với kết quả giải quyết TTHC nêu trên, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 97,10%. Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận 131 phản ánh, kiến nghị về TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và đã xử lý 131/131 phản ánh, kiến nghị, đạt 100%.

c) Việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả điện tử; việc chuẩn hóa quy trình công tác, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính.

- Việc số hóa kết quả giải quyết TTHC và trả kết quả điện tử: Công tác số hóa hồ sơ, giấy tờ và kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh và duy trì thực hiện. Trong kỳ báo cáo, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của tỉnh đạt 98%, trong đó cấp tỉnh đạt 96%, cấp xã đạt 99,56%; tỷ lệ trả kết quả điện tử đạt 98%.

- Việc chuẩn hóa quy trình công tác, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, TTHC:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã lựa chọn và công bố 06 TTHC có tần suất cao để thực hiện tái thiết kế quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, tự động điền và xác thực thông tin, không yêu cầu người dân cung cấp lại giấy tờ đã có; bảo đảm tỷ lệ cắt giảm tối thiểu 30% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa, không phải nhập lại thông tin, tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện TTHC.

+ Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 06 Quyết định phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC. Theo đó, đã cắt giảm thời gian giải quyết đối với 581 TTHC thuộc thẩm quyền thực thi của tỉnh và đề xuất, kiến nghị Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung 22 TTHC. Đến nay, toàn tỉnh có 1.900/2.114 TTHC được cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định, với mức cắt giảm từ 20 - 60%, đạt tỷ lệ 89,87%.

+ Thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Phương án đơn giản hóa đối với 08/08 TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Cà Mau và đã thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với 08 TTHC, đạt 100%; trong đó, 04 TTHC được cắt giảm 50% thời gian giải quyết và 04 TTHC được bãi bỏ.

d) Tình hình hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công (bố trí nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị; kết quả hoạt động; những khó khăn, vướng mắc). Mức độ đáp ứng yêu cầu tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; việc bố trí công chức theo từng lĩnh vực; tình trạng quá tải (nếu có).

- Tỉnh đã hoàn thành bố trí Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, gồm trụ sở chính tại Phường Tân Thành và cơ sở 2 tại Phường Bạc Liêu; đồng thời thành lập 64/64 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, bố trí trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị và kế thừa hạ tầng phục vụ hoạt động. Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ sung kinh phí đầu tư cho các xã, phường để nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, bảo đảm điều kiện hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

- Việc bố trí đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp đảm bảo đúng theo quy định, cụ thể:

+ Đối với cấp tỉnh: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện tiếp nhận và trả kết quả cho 14 đơn vị cấp tỉnh với 1.765 thủ tục, trong đó có 1.693 thủ tục của các sở, ban, ngành tỉnh; 20 thủ tục của Công an; 25 thủ tục bảo hiểm; 27 thủ tục của Công ty Điện lực và Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau. Tổng số công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm là 55 người, trong đó 35 công chức, viên chức do các cơ quan, đơn vị cử đến làm việc và 20 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý vận hành Trung tâm.

+ Đối với cấp xã: Toàn tỉnh có 64 đơn vị cấp xã tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công; tất cả các đơn vị cấp xã đã ban hành quy chế hoạt động theo quy định. Tổng số công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm là 471 người, trong đó 56 công chức do các phòng, ban chuyên môn cử đến làm việc, chủ yếu ở các lĩnh vực đất đai, hộ tịch, xây dựng,... và 415 công chức chuyên trách tại Trung tâm.

3. Về cơ sở vật chất, tài sản công và chính sách hỗ trợ

a) Việc đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin, điều kiện làm việc đối với yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; tình hình giao dự toán ngân sách; phân bổ kinh phí; bảo đảm nguồn lực hoạt động cho chính quyền cơ sở (tổng kinh phí được phân bổ, đã sử dụng, khó khăn, ...)

(1) Công tác sắp xếp, điều chuyển tài sản công:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 04 Quyết định⁷ về sắp xếp, điều chuyển, xử lý tài sản công, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài sản; hạn chế tình trạng tài sản dôi dư, bỏ trống, lãng phí; đồng thời thực hiện chuyển đổi công năng phù hợp với nhu cầu sử dụng và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng xe ô tô công, góp phần tiết kiệm chi phí vận hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 020/KH-UBND ngày 23/7/2025 về tổ chức sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất (*trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp*) các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cà Mau; theo đó, giao Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân các xã khai thác 90 cơ sở nhà, đất dôi dư.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 0263/KH-UBND ngày 29/12/2025 về tổ chức sắp xếp, xử lý tài sản công là nhà, đất dôi dư trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 về việc chuyển giao cơ sở nhà, đất dôi dư trên địa bàn tỉnh Cà Mau cho các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, khai thác, xử lý; theo đó: (i) Đối với các cơ sở nhà, đất đưa vào quản lý, khai thác: Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức tiếp nhận, bàn giao 137/162 cơ sở (*đạt khoảng 84,5%*); trong đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đã tiếp nhận được 65/90 cơ sở, Ủy ban nhân dân các xã, phường đã hoàn thành tiếp nhận 72/72 cơ sở. (ii) Đối với các cơ sở nhà, đất giao về địa phương quản lý, sử dụng: Đã đưa vào sử dụng 63/147 cơ sở nhà đất (*đạt khoảng 43%*), còn 84 cơ sở chưa đưa vào sử dụng hoặc chuyển đổi công năng.

⁷ (1) Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 ban hành Phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc và nhà công vụ sau khi sáp nhập tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau thành tỉnh Cà Mau; (2) Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 ban hành Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công sau khi kết thúc đơn vị hành chính cấp huyện, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau; (3) Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, phương tiện và điều kiện làm việc của các cơ quan xã, phường mới; (4) Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 về việc phê duyệt phương án quản lý, sử dụng, phương án sắp xếp trụ sở của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh sau hợp nhất 02 tỉnh Bạc Liêu - Cà Mau.

(2) Về công tác cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc:

Trong năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền 148,393 tỷ đồng, trong đó cấp tỉnh 66,193 tỷ đồng, cấp xã 82,2 tỷ đồng. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung kinh phí cho 25 xã, phường để cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm mới máy móc, thiết bị phục vụ làm việc, với tổng kinh phí trên 45,4 tỷ đồng.

Năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cho các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện với tổng kinh phí 53,1 tỷ đồng theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 26/01/2026; trong đó, kinh phí mua sắm, sửa chữa 22,9 tỷ đồng, kinh phí sửa chữa trụ sở 30,1 tỷ đồng.

Việc bố trí kinh phí cải tạo, sửa chữa, mua sắm cơ bản đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, góp phần khắc phục tình trạng xuống cấp, bảo đảm điều kiện làm việc, tối ưu hóa việc sử dụng không gian trụ sở và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.

(3) Công tác quản lý xe ô tô:

Đến nay, tỉnh đã mua sắm mới 73 xe ô tô để trang bị cho Ủy ban nhân dân các xã, phường phục vụ công tác chung; đồng thời kịp thời tham mưu điều chuyển xe ô tô phục vụ công tác chung giữa các sở, ban, ngành tỉnh và thực hiện thanh lý các xe ô tô hết hạn sử dụng theo quy định.

Bên cạnh đó, tỉnh đã tiếp nhận 07 xe ô tô từ Bảo hiểm xã hội Việt Nam và 05 xe ô tô từ Văn phòng Tỉnh ủy để bố trí cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, sử dụng; đối với các phương tiện không còn nhu cầu sử dụng, thực hiện xử lý, thanh lý theo quy định.

(4) Công tác quản lý máy móc, thiết bị:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định điều chuyển tài sản công là máy móc, thiết bị làm việc dồi dư, không còn nhu cầu sử dụng đến các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu, qua đó góp phần tận dụng hiệu quả tài sản hiện có, hạn chế việc mua sắm mới và tránh lãng phí.

Nhìn chung, máy móc, thiết bị sau khi được rà soát, điều chuyển và bố trí lại cho các đơn vị mới cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động. Tuy nhiên, một số máy móc, thiết bị đã cũ, hết thời hạn sử dụng; một số thiết bị và đường truyền công nghệ thông tin đã xuống cấp, cần tiếp tục được nâng cấp, thay thế, mua sắm mới để đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

(5) Về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các xã, phường. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính, việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã được giữ ổn định sau sắp xếp, bảo đảm nguồn thu cho các xã, phường cơ bản tương ứng với nguồn thu của các đơn vị hành chính trước khi sắp xếp. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện trước khi sắp xếp được chuyển về ngân sách cấp tỉnh để tổ chức thực hiện.

Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Cà Mau sau sắp xếp được bảo đảm khớp đúng về tổng mức và các lĩnh vực thu, chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025 được tổng hợp nguyên trạng từ dự toán thu, chi ngân sách của các huyện, thành phố trước khi sắp xếp đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Trong quá trình điều hành ngân sách khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhằm bảo đảm nguồn lực để các xã, phường thực hiện các nhiệm vụ được chuyển giao từ cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể:

(i) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 4.573,601 tỷ đồng; chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương của cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện chuyển về cấp xã; chi trả chế độ cho lực lượng dân quân thường trực cấp huyện chuyển về cấp xã với số tiền 280,680 tỷ đồng; thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội 06 tháng cuối năm 2025 với số tiền 908,438 tỷ đồng.

(ii) Chi các hoạt động kinh tế: hỗ trợ kinh phí thanh toán tiền điện chiếu sáng công cộng 19,336 tỷ đồng; kinh phí xử lý, vận chuyển rác sinh hoạt 32,152 tỷ đồng; thực hiện các nhiệm vụ chi, công trình, dự án sau khi kết thúc hoạt động của cấp huyện 54,758 tỷ đồng; điều chỉnh nhiệm vụ chi khi kết thúc hoạt động của cấp huyện, trong đó có nhiệm vụ chi của Ban Quản lý dự án khu vực, 77,261 tỷ đồng; điều chỉnh, bổ sung dự toán để tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chi, công trình, dự án sau khi kết thúc hoạt động của cấp huyện (lần 2) 7,908 tỷ đồng; bổ sung dự toán cho Ủy ban nhân dân các xã để thực hiện hỗ trợ các ấp khi kết thúc hoạt động của cấp huyện 6,649 tỷ đồng.

Đối với nguồn lực ngân sách Trung ương hỗ trợ sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã: Trên cơ sở báo cáo nhu cầu của các xã, phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ kinh phí cho các xã, phường để thực hiện nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở, Trung tâm Phục vụ hành chính công; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; đồng thời bố trí kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp từ các nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ.

Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách của chính quyền cấp xã: Ngay sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đi vào vận hành, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 03228/UBND-KTTH ngày 26/8/2025 về triển khai thực hiện các nội dung hướng dẫn về tài chính - ngân sách nhà nước áp dụng tại cấp xã; đồng thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn triển khai, hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý ngân sách, điều hành tài chính, chuyển giao nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, bảo đảm hoạt động liên tục của các xã, phường và tổ chức tập huấn chuyên môn cho cấp xã.

Đến nay, tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách của chính quyền cấp xã cơ bản đáp ứng yêu cầu, bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và thực hiện sắp xếp, xử lý trụ sở, nhà đất và tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính; kết quả thực hiện đến nay, như: cơ sở nhà đất đã chuyển đổi công năng, xử lý, quản lý tài sản dôi dư, bỏ trống...

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 29/5/2026 về xử lý tài sản công là nhà, đất dôi dư trên địa bàn tỉnh. Ngày 30/6/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2434/QĐ-UBND phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, xử lý đối với 329 cơ sở nhà, đất dôi dư phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau: (i) Giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý, khai thác, xử lý 123 cơ sở nhà, đất; (ii) giao Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý, khai thác, xử lý 206 cơ sở nhà, đất, trong đó 82 cơ sở thực hiện quản lý, khai thác, xử lý và 124 cơ sở thực hiện quản lý, chuyển đổi công năng sử dụng.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư trên địa bàn⁸; hiện nay, giao Sở Tài chính xây dựng kế hoạch kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất dôi dư nhằm kịp thời phát hiện, xử lý những trường hợp sử dụng chưa hiệu quả, bỏ trống hoặc chưa thực hiện đúng phương án được phê duyệt.

Ngoài ra, trong kỳ báo cáo, tỉnh đã tiếp nhận 67 cơ sở nhà, đất do Trung ương chuyển giao và thực hiện điều hòa nội bộ thông qua các hình thức điều chuyển, chuyển giao, tạm giao nhiều cơ sở dôi dư cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng, góp phần khai thác hiệu quả tài sản công, hạn chế lãng phí và đáp ứng yêu cầu về trụ sở, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp.

c) Sắp xếp, bố trí nhà ở, phòng nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức

Tỉnh đã quan tâm bố trí, hỗ trợ điều kiện ăn, ở, lưu trú cho cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Đến nay, tỉnh đã đưa vào sử dụng 183 phòng, gồm 35 căn nhà công vụ và 148 phòng lưu trú, cơ bản đáp ứng nhu cầu về chỗ ở công vụ, lưu trú cho cán bộ, công chức, viên chức, góp phần ổn định điều kiện sinh hoạt, bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

4. Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số

a) Việc thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu; khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung; việc chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan

- Hạ tầng trung tâm dữ liệu và nền tảng dùng chung

Trung tâm dữ liệu tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, với 23 máy chủ vật lý, 443 máy chủ ảo, tổng dung lượng lưu trữ khoảng 210 TB, phục vụ vận hành 126 phần mềm, ứng dụng dùng chung và chuyên ngành. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) đã kết nối 13 lĩnh vực quản lý, 39 loại dữ liệu với 258 trường thông tin; đồng thời hoàn thiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo mô hình 34 của Đề án 06.

⁸ Kế hoạch số 439/KH-UBND ngày 22/7/2026 về việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất dôi dư trên địa bàn tỉnh năm 2026 và phương hướng thực hiện năm 2027.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và 35 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, gồm 23 hệ thống của các Bộ, ngành Trung ương và 12 hệ thống của tỉnh; đã cấp 568 tài khoản khai thác cho lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh và cấp xã. Qua đó, từng bước hình thành nền tảng kỹ thuật phục vụ tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu và hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường số.

- Cơ sở dữ liệu và chia sẻ dữ liệu

Toàn tỉnh xác định 43 cơ sở dữ liệu chuyên ngành cần xây dựng; đến nay, 36/43 cơ sở dữ liệu đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Trong số 36 cơ sở dữ liệu đã hoàn thành, có 26 cơ sở dữ liệu đang hoạt động, cơ bản đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng; 05 cơ sở dữ liệu tạm ngừng để chuyển sang hệ thống dùng chung của các Bộ, ngành Trung ương và 05 cơ sở dữ liệu cần tiếp tục chuẩn hóa, hoàn thiện.

Hiện có 09 cơ sở dữ liệu được kết nối với IOC, 13 cơ sở dữ liệu được kết nối, liên thông với các hệ thống khác; 31/32 danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã được đưa vào sử dụng chính thức. Kết quả trên bước đầu tạo nền tảng cho việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và tăng cường quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu. Tuy nhiên, mức độ kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực chưa đồng đều, một số cơ sở dữ liệu vẫn cần tiếp tục chuẩn hóa, hoàn thiện để nâng cao chất lượng và khả năng khai thác, sử dụng.

b) Việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác chuyển đổi số (tỷ lệ sử dụng chữ ký số; văn bản điện tử; đầu tư hạ tầng kỹ thuật); những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình vận hành

- Hệ thống quản lý văn bản, chữ ký số và thư điện tử:

Hệ thống iOffice đã triển khai tại 719 đơn vị với trên 13.043 tài khoản từ cấp tỉnh đến cấp xã, đạt 100%; có 206.957 văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

Toàn tỉnh có 12.566 chữ ký số chuyên dùng công vụ đang hoạt động; có 188.510 chữ ký số công cộng được cấp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Hệ thống thư điện tử công vụ có 29.060 tài khoản; việc cấp mới, khôi phục, hiệu chỉnh, khóa và xóa tài khoản được thực hiện thường xuyên để bảo đảm đúng đối tượng, an toàn và liên tục.

- Hạ tầng kỹ thuật và đầu tư phục vụ chuyển đổi số

Tỷ lệ dân số được phủ sóng di động 3G, 4G, 5G đạt 100%; 100% ấp, khóm được kết nối cáp quang và sẵn sàng cung cấp dịch vụ Internet băng rộng; không còn ấp, khóm có khu vực lùm sóng, trắng sóng theo tiêu chí rà soát. Riêng đường truyền phục vụ Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp có hơn 128 đường truyền.

Tỉnh đang triển khai 04 dự án trọng điểm gồm: phần mềm phòng họp không giấy; phòng họp trực tuyến; thiết bị đầu cuối cho hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước; mua sắm thiết bị công nghệ thông tin cấp xã. Các dự án cơ bản bảo đảm tiến độ, một số dự án đã ở giai đoạn hoàn thiện, nghiệm thu, bàn giao.

Nhìn chung, hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số từng bước được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung và phục vụ hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp. Tuy nhiên, việc vận hành đồng thời nhiều hệ thống thông tin, nền tảng số và cơ sở dữ liệu đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao năng lực hạ tầng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, đồng bộ dữ liệu và khả năng kết nối, liên thông giữa các hệ thống.

c) Mức độ tiếp cận, sử dụng dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp; kỹ năng số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Ứng dụng iCamau đã tích hợp trên 30 tiện ích, có trên 55,7 nghìn lượt cài đặt và sử dụng. Nền tảng “Bình dân học vụ số” có 41 khóa học, 74 video, 34.180 tài khoản, hơn 412 nghìn lượt xem và trên 60 nghìn lượt hoàn thành khóa học.

Toàn tỉnh có 1.393 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% ấp, khóm, với 6.726 thành viên. Cập nhật đến tháng 7/2026, các Tổ công nghệ số cộng đồng đã trực tiếp hướng dẫn hơn 380.850 hộ gia đình, chiếm trên 65%; trong đó, 338.129 hộ triển khai dịch vụ công trực tuyến, 352.894 hộ có tài khoản thanh toán điện tử, 6.656 hộ có tài khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử và 53.297 hộ tham gia “Bình dân học vụ số”.

Các kết quả trên cho thấy khả năng tiếp cận và sử dụng các nền tảng, tiện ích số của người dân từng bước được nâng lên; Tổ công nghệ số cộng đồng phát huy vai trò hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, thương mại điện tử và các nền tảng học tập số.

Tuy nhiên, mức độ tiếp cận và sử dụng dịch vụ số giữa các nhóm người dân, địa bàn còn chưa đồng đều; kỹ năng số của một bộ phận người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, cần tiếp tục được đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nền tảng và dịch vụ số.

5. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng nhiệm vụ của chính quyền cơ sở trong tình hình mới

Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã khẩn trương tổ chức 37 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trong đó, tổ chức 27 lớp dành cho cán bộ, công chức xã, phường về hướng dẫn quy trình xử lý văn bản điện tử, ký số trên hệ thống iOffice, sử dụng App Chính quyền số tỉnh Cà Mau và kỹ năng khai thác Internet an toàn, hiệu quả, với 835 người tham gia; 08 lớp dành cho cán bộ, công chức làm công tác giải quyết thủ tục hành chính, hướng dẫn tiếp nhận và xử lý hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Cổng Dịch vụ công quốc gia, với 321 lượt người tham gia; 02 lớp bồi dưỡng “Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành và quản lý cho cán bộ cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp”, với 174 học viên tham gia.

Ngoài ra, thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng năm 2025 của tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức đào tạo chuyên môn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho 4.288/4.288 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đạt 100% so với Kế hoạch; trong đó có 38 cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo sau đại học.

Qua đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong quá trình tổ chức vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

6. Việc đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn

Tỉnh tiếp tục duy trì công tác tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; đồng thời thường xuyên theo dõi, nắm tình hình và tham mưu xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh. Trong kỳ, đã tiếp nhận 397 hồ sơ, gồm 171 hồ sơ từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 và 226 hồ sơ từ ngày 01/01/2026 đến ngày 01/7/2026; đã giải quyết 397/397 hồ sơ trước và đúng hạn, đạt 100%, không có hồ sơ quá hạn.

Trong thời gian qua, tỉnh tập trung theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc xử lý hồ sơ, đơn thư chuyên tiếp sau sắp xếp; kịp thời tham mưu giải quyết theo quy định, góp phần hạn chế phát sinh các vụ việc phức tạp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn. Hiện chưa có số liệu thống kê riêng về các vụ việc, đơn thư liên quan trực tiếp đến việc vận hành chính quyền cơ sở sau sắp xếp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thuận lợi và kết quả đạt được

Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp bước đầu đạt được những kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phát huy, bảo đảm tính chủ động, quyết liệt trong điều hành và chịu trách nhiệm toàn diện đối với lĩnh vực được phân công. Đội ngũ công chức, viên chức và người lao động từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần kỷ luật, tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bộ máy sau sắp xếp được tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, hoạt động ổn định, liên tục, thông suốt, góp phần nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành được thực hiện chặt chẽ, các nhiệm vụ được triển khai kịp thời, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Đặc biệt, sau khi sáp nhập, phạm vi hoạt động của trung tâm được mở rộng, tạo điều kiện phát huy tốt hơn năng lực chuyên môn, tăng cường khả năng liên kết, chia sẻ nguồn lực và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Hạ tầng công nghệ thông tin tiếp tục được quan tâm đầu tư; các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được khai thác, sử dụng trong công tác quản lý, điều hành. Việc ứng dụng công nghệ thông tin góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm thời gian xử lý công việc thủ công và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp không làm gián đoạn các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được bảo đảm. Điều kiện làm việc của công

chức, viên chức và người lao động cơ bản được duy trì ổn định; chế độ, chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Đời sống vật chất và tinh thần của công chức, viên chức, người lao động cơ bản được bảo đảm, tạo tâm lý yên tâm công tác, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Những khó khăn, hạn chế

a) Những khó khăn, vướng mắc về nhân lực, cơ sở vật chất

Điều kiện cơ sở vật chất và bảo đảm hoạt động tuy cơ bản đáp ứng yêu cầu duy trì hoạt động thường xuyên nhưng chưa đồng bộ với yêu cầu nhiệm vụ mới. Một số phương tiện chuyên dùng, máy móc, thiết bị kỹ thuật còn thiếu; hạ tầng công nghệ thông tin tại một số đơn vị đã xuống cấp, ảnh hưởng nhất định đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

b) Những bất cập về cơ chế, chính sách

Hệ thống quy định mới được ban hành trong thời gian ngắn, một số nội dung cần tiếp tục được hướng dẫn cụ thể để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện. Một số nhiệm vụ chuyên ngành được giao cho cấp xã nhưng điều kiện về nhân lực, thiết bị và chuyên môn chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ.

Trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, tại một số nơi còn lúng túng trong phân loại đơn và xác định thẩm quyền giữa các cấp, các ngành; có trường hợp chưa bảo đảm đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định.

c) Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Việc sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến và cơ sở dữ liệu đã được đẩy mạnh nhưng mức độ liên thông giữa các hệ thống chưa đồng bộ. Một số dữ liệu chuyên ngành còn phân tán trên nhiều phần mềm; việc kết nối, tích hợp và chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống của Trung ương còn hạn chế. Có thời điểm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, VNeID hoặc phần mềm chuyên ngành hoạt động chưa ổn định, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ.

Kỹ năng số và khả năng tiếp cận dịch vụ số chưa đồng đều. Một bộ phận cán bộ ở cơ sở còn hạn chế về kỹ năng sử dụng các hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; người dân, nhất là người cao tuổi, người dân vùng nông thôn, vùng ven biển còn gặp khó khăn khi tự thực hiện các thao tác như sử dụng VNeID, tạo hồ sơ điện tử, quét tài liệu và thanh toán trực tuyến.

3. Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)

a) Nguyên nhân khách quan

Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp mới được triển khai, phạm vi nhiệm vụ và phương thức phối hợp có nhiều thay đổi trong thời gian ngắn. Khối lượng công việc và phạm vi quản lý tăng, trong khi nhân lực chuyên môn chưa được bổ sung, sắp xếp đồng bộ với nhiệm vụ mới. Một số lĩnh vực có tính chuyên môn sâu như đất đai, thủy lợi, môi trường, an toàn thực phẩm, y tế, giáo dục,... phải xử lý khối lượng công việc lớn trên địa bàn rộng; một số công chức, viên chức phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ.

Hạ tầng kỹ thuật và cơ sở dữ liệu được hình thành qua nhiều thời kỳ, chưa đồng bộ. Một số hệ thống, phần mềm chuyên ngành do các cơ quan khác nhau xây dựng, tiêu chuẩn dữ liệu và mức độ liên thông chưa thống nhất, dẫn đến việc tích hợp, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu còn hạn chế.

Nguồn lực đầu tư chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ, nhất là kinh phí số hóa hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, mua sắm phương tiện chuyên dùng và thực hiện một số nhiệm vụ mới. Một số nhiệm vụ đã có chủ trương nhưng chưa được bố trí đầy đủ nguồn kinh phí, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai.

Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tại một số cơ quan, đơn vị vẫn còn trường hợp viên chức được bố trí thực hiện nhiệm vụ tại vị trí việc làm công chức chưa phù hợp; việc điều chỉnh, bố trí lại cần thực hiện theo quy trình.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ cấp xã chưa đồng đều giữa các lĩnh vực. Một số lĩnh vực đã chủ động tổ chức tập huấn, nhưng một số lĩnh vực chưa kịp triển khai hoặc nội dung tập huấn chưa đi sâu vào các tình huống thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Công tác chuẩn hóa, làm sạch và liên thông dữ liệu tại một số đơn vị còn chậm; việc sử dụng đồng thời nhiều phần mềm làm phát sinh thao tác thủ công và khó kiểm soát thống nhất trạng thái xử lý. Trong giải quyết thủ tục hành chính, việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và phần mềm chuyên ngành có thời điểm chưa ổn định, ảnh hưởng đến việc cập nhật tiến độ hồ sơ.

Trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, năng lực phân loại và xác định thẩm quyền tại một số nơi chưa theo kịp yêu cầu của mô hình mới; còn trường hợp lúng túng trong phân biệt khiếu nại, tố cáo với kiến nghị, phản ánh hoặc xác định chưa đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

4. Trách nhiệm

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, chủ động rà soát nhu cầu về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

Sở Nội vụ chủ trì tham mưu về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và bố trí đội ngũ; Sở Tài chính tham mưu về ngân sách, tài sản công và nguồn lực thực hiện; Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp tham mưu về hạ tầng số, dữ liệu, kết nối và an toàn thông tin; các sở quản lý ngành tiếp tục hướng dẫn nghiệp vụ, nhất là đối với những nhiệm vụ mới giao cho cấp xã.

5. Giải pháp khắc phục

Trong thời gian tới, các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm: Hoàn thành rà soát nhiệm vụ và vị trí việc làm để bố trí lại nhân lực theo đúng chuyên môn; ưu tiên củng cố các lĩnh vực thiếu nhân lực chuyên sâu; tổ chức tập huấn theo từng nhiệm vụ cụ thể được giao cho cấp xã; xây dựng đầu mối chuyên môn của từng cơ quan cấp tỉnh để hỗ trợ trực tiếp địa phương khi phát sinh vướng mắc.

Tiếp tục nâng cấp hạ tầng máy chủ và hệ thống dự phòng; đẩy nhanh số hóa, làm sạch, chuẩn hóa và liên thông dữ liệu; rà soát tiến độ sử dụng kinh phí, ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp và chuyển đổi số.

Đồng thời, tăng cường kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu; định kỳ rà soát các chỉ tiêu có tỷ lệ thấp, hồ sơ trễ hạn, nhiệm vụ chậm tiến độ để xác định cụ thể nguyên nhân và biện pháp xử lý; chuẩn hóa chế độ thống kê, báo cáo giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ tiếp công dân, phân loại và xử lý đơn thư cho cán bộ, công chức, nhất là ở cấp cơ sở.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tiếp tục hoạt động ổn định, thông suốt, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới như sau:

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm sự thống nhất, thông suốt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

3. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tập trung đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số và năng lực thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đồng thời phát huy, nhân rộng những mô hình, cách làm hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn; từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và xử lý công việc trên môi trường điện tử theo định hướng, kế hoạch của cấp có thẩm quyền; tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

7. Tối ưu hóa nguồn lực tài chính cho hạ tầng cấp xã; xây dựng tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2031 theo hướng ưu tiên các xã, phường mới sáp nhập có quy mô lớn hoặc địa bàn khó khăn để hoàn thiện trụ sở làm việc và hạ tầng số, góp phần bảo đảm điều kiện hoạt động của chính quyền cơ sở.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và bảo đảm chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động ổn định, hiệu lực, hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền quan tâm một số nội dung sau:

1. Kiến nghị Bộ, ngành Trung ương:

Trên cơ sở Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026, sớm ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể về xếp hạng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc ngành quản lý, tạo cơ sở để địa phương tổ chức thực hiện thống nhất.

2. Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Sớm hoàn thiện, hướng dẫn thống nhất tiêu chuẩn kỹ thuật, kiến trúc, dữ liệu, đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ và vận hành các hệ thống số trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tối ưu các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, dễ sử dụng, có khả năng đăng nhập một lần, đồng bộ trạng thái và tái sử dụng dữ liệu.

- Mở kết nối, cung cấp giao diện lập trình ứng dụng (API) và chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống, cơ sở dữ liệu do Bộ, ngành quản lý qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia về địa phương; ưu tiên dữ liệu dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, y tế, giáo dục và các dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

- Quan tâm hỗ trợ địa phương nâng cấp hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, mạng truyền số liệu chuyên dùng, thiết bị đầu cuối và bảo đảm an toàn thông tin; tăng cường hướng dẫn, đào tạo chuyên sâu về quản trị dữ liệu, chuyển đổi số và an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

3. Kiến nghị đối với Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, nhất là đối với các nhiệm vụ trực tiếp giao cho cấp xã; kịp thời hướng dẫn các nội dung chuyển tiếp và những vấn đề còn có cách hiểu khác nhau giữa quy định chuyên ngành với quy định về phân cấp, phân quyền⁹.

- Hướng dẫn thống nhất việc xử lý các nội dung còn vướng mắc trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch và tài chính đất đai, tạo cơ sở pháp lý để địa phương tổ chức thực hiện thống nhất, hạn chế phát sinh khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp¹⁰.

⁹ Về thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Qua thực hiện, địa phương đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét điều chỉnh theo hướng giao cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện, nhằm tạo thuận lợi trong tổ chức thực hiện nghiệp vụ chuyên ngành và giảm khâu trung gian.

Thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản. Tại Điều 2 Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có nội dung bãi bỏ “số thứ tự 17 mục B phần I” của danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1049/QĐ-BNNMT ngày 23/4/2025, trong khi tài liệu rà soát của Sở xác định danh mục này không có số thứ tự 17 tại mục B. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, điều chỉnh để bảo đảm chính xác, thống nhất, thuận lợi cho địa phương trong công bố và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

¹⁰ Sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai hoặc nghị định hướng dẫn để quy định cụ thể việc sử dụng chỉ tiêu đất đai trong phương án định hướng sử dụng đất làm căn cứ thực hiện thủ tục đất đai. Quy định lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã

4. Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ:

Tiếp tục quan tâm, ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục sau sắp xếp; hướng dẫn thống nhất đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện, nhất là về tổ chức bộ máy, đội ngũ, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chuyên môn và điều kiện bảo đảm hoạt động, tạo điều kiện để các địa phương ổn định tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở giáo dục sau sắp xếp.

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động của chính quyền cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau báo cáo Đoàn giám sát./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Email: thienluongngo@gmail.com (file mềm);
- Các phòng khối NC-TH;
- Lưu: VT, NC (L13), M.A286/9.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

với thời kỳ 10 năm nhằm tiết kiệm kinh phí và bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thủ tục đất đai. Sớm công khai thông tin các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và các trường hợp đã chấp hành xong quyết định xử phạt; đồng thời quy định người đề nghị giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải kê khai và chịu trách nhiệm về tình trạng chấp hành pháp luật đất đai. Bổ sung cơ chế xử phạt đối với trường hợp chậm nộp hồ sơ gia hạn sử dụng đất; sau khi xử phạt, cho phép thực hiện thủ tục gia hạn nếu phù hợp quy hoạch. Bổ sung quy định xác định rõ cơ quan quản lý quỹ đất đã thu hồi theo khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai tại khu vực nông thôn.